

T.P Hồ Chí Minh ngày 29.2. 1988

Kính gửi Bà Khắc Minh Thu

Thưa Bà

Đã nhiều lần, qua đài VOA, tôi được nghe bà nói sẵn sàng giúp đỡ những tu nhân chính trị và gia đình được sang Hoa Kỳ lập nghiệp, bằng cách trao đất y. nguyên đến Văn phòng ODP. Hôm nay, nhờ một đoạn báo tiếng Việt, xuất bản tại Hoa Kỳ, tôi biết địa chỉ của Hội, với viết thư này, nhờ Bà chuyển toàn bộ hồ sơ của Hội đến VP/ODP và xin cho tôi và gia đình được định cư tại Hoa Kỳ.

Từ năm 1982 đến nay, tôi đã nhiều lần viết đơn, gửi ông Giám đốc chương trình ODP, theo địa chỉ 131 Soi Tiên Giang và 127 Banjabhum Bldg South Sathorn Road Bangkok 12, Thái Lan, xin tị nạn chính trị sang H.K. nhưng không lần nào được phúc đáp.

Lần thứ nhất gửi ngày 24 tháng 6 - 1982 bằng thư thường. Hồ sơ gồm có: Đơn chính kèm theo 10 sections of information questionnaire, 1 tiếng mao quân vụ, 4 bản chụp sao bằng Công Binh Cao cấp - bằng SQ Kiên Tạo, tị nghiệp tại Fort Belvoir, giấy mời du học tại HK của Quân đội và giấy ra Thái Cải tạo.

Lần thứ 2, đơn gửi bằng thư bảo đảm số 822 ngày
10 tháng 10 - 1983

Lần thứ 3, đơn gửi bằng thư bảo đảm số 707 ngày 17
tháng 8 - 1984

Lần thứ 4 gửi ngày 4-3-1985, lần thứ 5, gửi ngày
8-8-1986: 2 lần này gửi bằng thư thường.

Bốn lần này, đơn chỉ nhắc lại nội dung đơn
thứ 1,

Riêng lần thứ 6 gửi vào tháng 10 - 1987, bằng thư
thường: Hồ sơ gồm có:

Questionnaire for ODP applicants (loại mới) kèm
theo 2 bản chụp sao giấy mời du học tại Hoa Kỳ
của Quân đội và giấy ra trại cải tạo.

Không có thân nhân tại nước ngoài nhất là tại
Hoa Kỳ, tôi không được ai giúp đỡ, nhắc nhở về ODP
và xin học IV và LOI. Tôi rất buồn. Khoản cho
mình và gia đình, tình xin bà cứu giúp để
sớm được định cư tại Hoa Kỳ.

Thành thực cảm ơn bà và gia đình.

Thân

Nguyễn Quốc Hiền

with very many

well

than quiescent

BN 6

to 8

with

first very in fact very

at present and not that

also possibly and for it, it is not
Hoo for the young in each family of
not all birds mean some will be small

and the rest of the family are
get out and out with some young and a small

new (some small) dimorphic 900 of

also more or less

will grow, 7800 of growth are up a little and

1 with

not possible and with a little, some and not

growth with growth up with 8-8
1800-2800-2-4 program up 11 with not

1800-8 growth

11 program for in with and with growth up not, 1 with not

1800-8 growth

11 program for in with and with growth up not, 1 with not

ODP CHECK FORM

Date: 11 / 4 / 88

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: Nguyen Quoc Hien

Date of Birth: 8 - 28 - 23 Hai Dong

Address in VN 16/41/48 Nguyen Thien Thuan
H CM

Position LTC

Number of Accompanying Relatives: Đi Lê Klaus (W)

✓ Reeducation Time: 7 Years Months Days

IV # 46194

DA: 04/30/75

VEWL # 0

DR: 02/30/82

YA: 7

I-171 : Yes: No. - EXIT PERMIT: Yes : No.

Special List #

Sponsor: h/l c/o h/o Van Dan

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỎI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHUÔNG

Date: DEC 24 1988

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Ban Chấp Hành T.U.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỎI
Secretary General
TRẦN THỊ PHUÔNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Re: NGUYEN QUOC HIEN

Date of Birth: 8-28-23

IV #: 46194

TIME IN RE-ED. 7 years

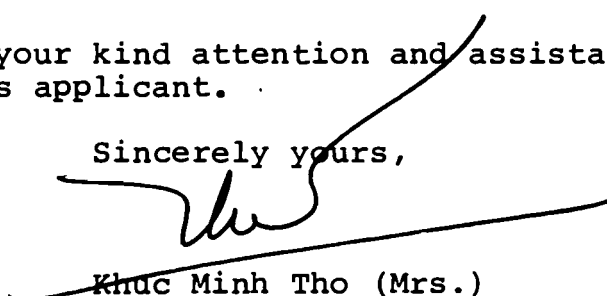
Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the former political prisoner in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to let us know at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,

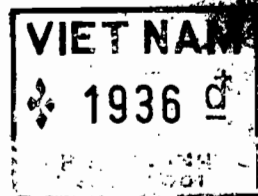

Khúc Minh Tho (Mrs.)
President

Enclosures.

NOTE:-This applicant has been sponsored by _____
as shown in the attachments.

- It is also requested that the Letter of Introduction be sent to our Association at the address appeared above

FROM NGUYEN. QUOC-HIEN 16/41/49 NGUYEN-THIEN-THUAT 03.
TP. HO-CHI-MINH VIET. NAM



PAR AVION

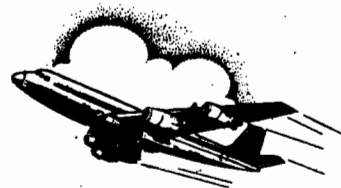
MAR 2 2 1988

TO MRS KHUC MINH-THU

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

V.A. 22.205 - 0035

U.S.A



PAR AVION VIA AIR MAIL

ODP CHECK FORM

Date: 10/8/82

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: Nguyễn Quốc Hiến

Date of Birth: 8-28-23

Address in VN 16/41/49 Nguyễn Thiệu Thuật
Phường 8 - Quận 3 - HCM

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: 7 Years _____ Months _____ Days

IV # 46194

VEWL # 0

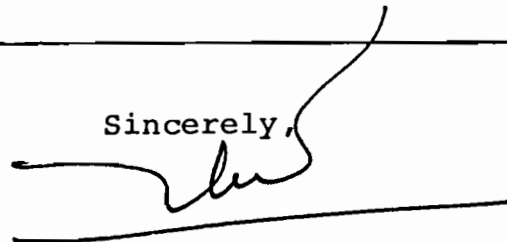
I-171 : _____ Yes; _____ No. - EXIT PERMIT: _____ Yes ; _____ No.

Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks:
(From Mr. Sullivan) _____

Sincerely,



KHUC MINH THO

Tel. _____

Oberhausen 17-3-88

Kg. bà Khúc Minh Thu,
Đây là bức thư của Ô NG. Q. Hiền gửi cho
bà, kèm theo có một ít giấy tờ hồ sơ của Ô ấy.
Và tờ LOI của Ô NG. RY -
nhờ bà giúp đỡ cho hai Ông ấy sớm
được Cao Ủy LHQ can thiệp -
Thành thật cảm ơn bà.

Thân mến,

(Van Dan) H.

- Nếu muốn liên lạc về VN, để được mau chóng xin
bà gửi về địa chỉ của tôi, tôi sẵn sàng giúp đỡ Ô ấy.

NGUYEN QUOC HIEN
c/o HO VAN DAN



MAR 28 1988

MIT LUFTPOST

PAR AVION
BY AIR MAIL

Kg. BA KHUC MINH THU
Chủ tịch
Hội G.D.T.N.C.I.V.N.

P.O. Box 5435, ARLINGTON
V.A. 22.205 - 0035

U.S.A.

ATSEN-SY-AL (30Apr71) 3rd Ind

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-176-71 (114) (Service)

United States Army Engineer School, Fort Belvoir, Virginia, 24 March 1972

TO: LTC Nguyen Quoc HIEN, 43/300.273
LTC Do Huu DU, 46/100.199
MAJ Nguyen Van HIEN, 43/400.114
MAJ Nguyen Huu DINH, 58/200.067
MAJ Nguyen Dinh DA, 54/108.581

7117A	NIG	VT63	B171066	4-5-C22	
7117B	NIG	VT64	B174066	4A-F1	18T
WCN	GC	RCN	MASL ID	CN	QS

1. Having arrived at this school on 1 June 1971 to attend the Engineer Officer Advanced Course (4-5-C22), On-Job-Training, Engineer Construction Officer Course (4A-F1) and having completed instruction you are authorized and invited to proceed from Fort Belvoir, Virginia on or about 10 April 1972 to Travis Air Force Base, California for return to Vietnam. You will depart Travis AFB at 1800 hours, 24 April 1972 on Flight Number TKP H2A1 arriving Saigon, Vietnam at 0800 hours, 26 April 1972. F/R issued this station from Travis AFB, California to Saigon, Vietnam. AMD: SUU SGN 2PT VCEA 04.

2. You are authorized 14 days leave and 1 days travel time enroute. Total leave and travel time not to exceed 15 days. You are to report to Room 42, Building P-3, Travis AFB, California not later than 0800 hours, 24 April 1972.

3. One hundred pounds of personal baggage will accompany each individual.

4. Travel by privately owned conveyance or at your expense is authorized in accordance with paragraph 6-29e, AR 550-50.

5. In case of unavoidable delay enroute, you will call Passenger Movement Section, Travis AFB, California by autovon or commercially collect (Area Code: 707) - 438 - 2542.

6. Cost of living allowances authorized while attending the US Army Engineer School, 14 days leave, 1 days travel and the expected date of departure from CONUS will be paid by Finance Officer this station through 2400 hours, 24 April 1972.

FOR THE COMMANDANT:

DISTRIBUTION:

Indiv Concerned

DA-ACSI

DA-DCSOPS IA-MA

Ch, US Mil Assistance Command, VN, APO

SF 96222

CG, HQ Sixth US Army

C in Ch, US Army Pacific

MARVIN R. GREEN, JR.

(25) Major, CE

(2) Assistant Secretary

(2)

(10)

(2)

(2)

LOẠI : C

BỘ TỔNG THAM-MUÙ QL-VNCH
CỤC CÔNG-BÌNH
TRƯỜNG CÔNG - BÌNH

Của : Trung Tá NGUYEN QUOC HIEN

Số-quân : 43/30.273

H O - T I C H : NHAN - DANG

Sinh ngày 28.8.1923 : Tai An Tan : Tóc Mát :
Quân : Tỉnh Vôi Đường : Trần Mũi :
Còn ông Nguyễn Hữu Đan và Bà tham thi Xuân : Mát Cao l th :
Kết hôn ngày 6.4.54 với cô Du Lê Khanh : Dấu tích đặc biệt :

CÔNG-VU LIÊN-TIỆP :

- 17.12.51- Admis comme Eleve Officier (civil admis d'office) a l'Ecole Militaire Inter Armes de Dalat. Arrive a l'Ecole et pris en compte a/c ce jour (Ref. No 02612/QP/NV du 25.11.51 de Mr. le Ministre de la Defense Nationale. A contracte un engagement de six ans au titre des FAVN a/c du 17.12.51. A reussi a l'examen de sortie de l'ENIAD avec 4.4.84,65 points sur 6.600. Classe 53e sur 111 eleve. RDC de l'Ecole a/c du 1.10.1952.
- 01.10.52 -Promu au grade de 3/Lieutenant par Arrete No 477/QP/MD de Mr. le president du Conseil des Ministres de la Defense Nationale du 9.10.1952.
- 01.03.53 -Mute au 3e PGWI par AM No 1740/TT/Dispers du 25.2.53 Arrive au Corps le 7.2.54.
- 01.05.54 -Promu au grade Lieutenant par Appete No 696/QP du President du Gouvernement en date du 21.6.1954.
- 01.06.55 -Thuyen chuyen sang Do nhut Tiet doan Cong binh VN k/t ngay 01.6.55 do LTC so 4957/QP/NV ngay 11.5.55.
- 01.06.55 -Thuyen chuyen ve Don vi Quan Tri Dia Huc so 1 k/t ngay 1.6.55 do LTC so 10090/QP/NV ngay 14.6.55.
- 01.10.55 -Man khoa Anh nen tro va Do nhut Tiet doan CN k/t ngay 01.10.55 do LTC so 11.005/QP ngay 12.10.55.
- 16.11.55 -Thuyen chuyen va Do Tu Lenh Cong binh k/t ngay 16.11.55 do LTC so 12687/QP/NV ngay 16.11.55.
- 20.02.56 -Thuyen chuyen sang Tieu doan 2/1 Cong binh k/t ngay 20.2.56 do LTC so 2412/QP/NV ngay 2.3.56.
- 26.05.56 -Duoc thang cap Dai Uy HD tam thoi k/t ngay 26.5.56 do MD so 521/QP/MD ngay 26.5.56 qua Po thuc Thong.
- 01.01.57 -Thuyen chuyen ve Do Chi Huy Cong Binh k/t ngay 01.01.57 do LTC so 00260/QP/NV ngay 10.01.57.
- 15.01.57 -Giu chuc vu Truong Phong Vat lieu Cong binh k/t ngay 15.01.57 do LTC so Qua Trung Ta Chi Huy Truong CP.
- 01.07.57 -Duoc thang cap Dai Uy HD thuc thu k/t ngay 01.07.57 do MD so 25/QP ngay 11.1.57.
- 01.05.57 -Thuyen chuyen ve Lien Truong Po Khoa Thu Duc k/t ngay 01.5.57 do LTC so 4965/QP/NV ngay 4.5.57.
- 13.05.57 -Den Lien Truong Vo Khoa Thu Duc ngay 13.5.57 duoc ho nhien va Truong CP k/t ngay 13.5.57.
- 01.10.57 -Thuyen chuyen ve Lu Doan Lien Tinh Phong Vo Tong Thong phu k/t ngay 01.10.57 do LTC so 11.272/QP/NV ngay 11.10.57.
- 29.10.57 -Duoc giu chuc vu Truong Phong Chien Tranh Tam ly Lu Doan LPV/TTC k/t ngay 29.10.57.
- 01.07.59 -Dat thuc cap ngay xu dung qua Lu Doan 22 do LTC so 5187/QP/NV ngay 17.6.59.
- 16.09.59 -Dat thuc cap ngay xu dung qua Lu Doan 22 do LTC so 7318/QP/NV ngay 14.9.59 do LTC so 7318/- ngay 14.9.59.
- 16.10.59 -Duoc giu chuc vu Truong Ban Tong Quan Tri Lu Doan 22 Po binh k/t ngay 16.10.59.
- 14.06.60 -Duoc chi dinh giu chuc vu Truong Phong Nhut Lu Doan 22 Po binh k/t ngay 14.6.60 do SVVT so 6046/SD22PP/TOT ngay 13.6.60.
- 22.02.61 -Thuyen chuyen ve Truong Dai hoc Quan Su (Thang so) de theo hoc khoa 15 Thang Vu k/t ngay 22.2.61 do LTC so 2855/QP/NV ngay 26.5.61.

- 16.03.61-Văn khoa 15 Tham Muu được thuyên chuyển đến Trường Đại Học Quan Su k/t ngày 16.3.61 do LTC so 5223/CP/NV ngày 15.9.61 của Bộ Quốc Phòng.
- 23.02.62-Được chỉ định giữ chức vụ Chánh Văn Phòng do SVVT so 03/DHCS ngày 2.1.64.
- 01.06.56-Dại Uy HD được thu k/t ngày 01.7.56 được điều chỉnh thành Đại Uy HD được thu k/t ngày 01.3.56 do HD so 413/CP/HD ngày 9.2.65 của Bộ Quốc Phòng.
- 01.04.66-Được thăng cấp Thiếu Tá được thu theo thân niên k/t ngày 01.4.66 do HD so 213/CP/HD ngày 28.3.3.66 của Bộ Quốc Phòng.
- 30.01.67-Được đặt thuộc quyền sử dụng của Foch CTCT do làm Sĩ quan An Ninh k/t ngày 30.01.67 do SVVT so 015/DHCS ngày 30/01.67.
- 11.05.67-Được chỉ định XLTV chức vụ Trưởng Khoa CTCT k/t ngày 11.5.67 do SVVT so 122/DHCS ngày 11.5.67.
- Được đề cử theo học khoa Chỉ Huy Tham mưu cao cấp tại Trường Chỉ Huy và Tham Mưu Khai giảng ngày 01.5.67. Văn khoa GVTM được thuyên chuyển về Trường Chỉ Huy và Tham Mưu k/t ngày 01.02.68 (có huân).
- Được chỉ định giữ chức vụ Thủ tá Trưởng Phòng Hành Tài kiêm Trưởng Phòng An Ninh do SVVT so 321/TCHTM ngày 3.1.68.
- 16.12.68-Được tái nhận lĩnh chức vụ CB và đặt thuộc quyền sử dụng của Cục CB k/t ngày 16.12.68 do AD so 1501/TTH/TQT ngày 28.11.68.
- 01.01.69-Thuyên chuyển đến Quân Đoàn 2/Ban Công binh k/t ngày 01.01.69 do LTC so 0095/CCP ngày 20.01.69 của Cục CB.
- 01.04.69-Thuyên chuyển đến Liên Đoàn 20/CBCĐ k/t ngày 01.4.69 do LTC so 4081/CDH/TQT ngày 1.4.69.
- 09.04.69-Được bổ nhận chức vụ Thủ tá Thanh Tra Liên Đoàn 20/CBCĐ do SVVT so 2319/CP20/NV ngày 9.4.69 của Liên Đ an 20/CBCĐ.
- 17.11.69-Được đề cử giữ chức vụ XLTV chức vụ Liên Đoàn Phó Liên Đoàn 20/CBCĐ kiêm Thủ tá Chiến Tranh Chính Trị do SVVT so 3450/CP20/NV ngày 15.11.69.
- 01.02.70-Được theo học khoa bổ túc Anh ngữ tại Trường Anh Ngữ Quân Đội.
- 10.12.70-Tái phát đến Khoa Nghiên Cứu Kế hoạch do LTC so 2375/CCP/NH ngày 9.12.70 của Cục CB.
- 01.01.71-Được thăng cấp Trung tá được thu k/t ngày 01.01.71 do HD so 159/CP/HD ngày 11.2.71 của Bộ CP.
- 28.05.71-Được thuyên chuyển (thăng so đủ học) đến Đơn vị Quản trị Trung Ương do LTC so 6386/TTH/TQT ngày 25.6.71 của Bộ TTH.
- 16.03.72-Thuyên chuyển ĐQXD Cục Công binh k/t ngày 16.3.72 do LTC so 1419/TTH/TQT ngày 19.2.72 của Bộ TTH.
- 01.05.72-Dat TQXD Cục CB thuyên chuyển đến Trưởng CB (có huân) k/t ngày 01.5.72 do LTC so 196/CCP/NH ngày 4.5.72.

18.05.72 -Đến Trưởng Công binh ngày 18.05.1972.

19/05.72 -Được bổ nhiệm đến Phòng Kế hoạch Ban hành các nhiệm vụ HLV/Trưởng Ban Kế hoạch k/t ngày 19.5.72 do SVVT so 2960/TCP/NV ngày 20.5.72 của Trưởng Công binh.

H+++++

HUY-CHƯƠNG

H+++++

: -CDBT 49-54. : -CDBT 60.
: -TMBT hàng 1 : -CDBT hàng 3.
: -CVBT hàng 3. : -LOHC do nhì hàng.
: -CDBT hàng 1
: -TL cấp SU ĐOAN.

K. B. C. 40.57, ngày 02 tháng 8 năm 1972

TL. Đại Tá PHAN VAN DIEN

Chỉ Huy Trưởng Trưởng Công Binh QLVNCH

TRƯỞNG CÔNG BINH VY VAN TY

Trưởng Phòng Hành Tài



Handwritten signature

CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

Số z

443

(4)

Gia Trung, ngày 30 tháng 4 năm 1982.

SHSLĐ

00097815352

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị 316/TT ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ Tướng chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và Đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07 TT-LB ngày 2 tháng 11 năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định tha số 51 ngày 29 tháng 3 năm 1982 của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên NGUYỄN QUỐC HIẾN Sinh

năm từ 1925 đến 1928

Sinh quán Thới Bình

Trú quán 16/41/49 Nguyễn thiên thuật - P8 - Quận 3 - TP HCM

Số lính

H3/300 273

Cấp bậc trung tá trưởng khởi sự

Chức vụ trưởng công binh Trong bộ máy chính quyền quân sự và các tổ chức chính quyền phản động của chế độ cũ.

Lý do tha Cải tạo diên lữ

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy Ban nhân dân Công an xã phường hoặc huyện quận 03 tỉnh thành phố Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định của ủy ban nhân dân tỉnh thành phố về việc quản chế về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế 12 (mười hai tháng)

- Thời hạn đi đường 05 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp 100%

Lên ngón tay trở phải Chữ ký của người

của Nguyễn quốc Hiến được cấp giấy

Danh bạ số 6205

trai quân pháp

shen

Nguyễn quốc Hiến

KT GIÁM

THỊ



THIỆU TÀ

NGUYỄN DIÊN TUNG

O.D.P. I.V.

DATE :

1988

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. NAME : NGUYỄN-QUỐC-HIỆN

SEX: MALE

2. OTHER NAME :

3. DATE, PLACE OF BIRTH: AUGUST 28TH 1923 - HAI DUONG

4. RESIDENCE ADDRESS: 16/41/48 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET.

HO-CHI-MINH CITY - VIET-NAM

5. MAILING ADDRESS: 16/41/49 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET - HO-CHI-MINH CITY

6. CURRENT OCCUPATION: QDD JOBS AT HOME VIET-NAM

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

NAMES	DATES OF BIRTH	PLACES OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. ĐU LỄ-KHANH	AUGUST 1ST. 1931	HANOI	F.	MARRIED	WIFE
2. NGUYỄN-QUỐC-TUẤN	JULY 26TH 1955	SAIGON	M.	BACHELOR	SON
3. NGUYỄN-VIỆT-CƯỜNG	JULY 31TH 1957	SAIGON	M.	BACHELOR	SON
4. NGUYỄN MÔNG TRINH	NOV. 21TH 1960	SAIGON	F.	UNMARRIED	DAUGHTER
5. NGUYỄN-MÔNG-LOAN	MARCH 30TH 1962	DALAT	F	UNMARRIED	DAUGHTER

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAMD. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

1. FATHER : NGUYỄN-HỮU-ĐẮN (DEAD)

2. MOTHER : PHAM-THỊ-LUÂN (DEAD)

3. SPOUSE : ĐU LỄ-KHANH (LIVING) 16/41/49 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET
HOCHIMINH CITY - VIET-NAM

4. CHILDREN

(1) NGUYỄN-QUỐC-TUẤN (LIVING)	} 16/41/49 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET HO-CHI-MINH CITY - VIET-NAM
(2) NGUYỄN-VIỆT-CƯỜNG (LIVING)	
(3) NGUYỄN-MÔNG-TRINH (LIVING)	
(4) NGUYỄN-MÔNG-LOAN (LIVING)	

5. SIBLINGS

(1) NGUYỄN-QUỐC-DẮNH (DEAD)

(2) NGUYỄN-THỊ-NHỎN (DEAD)

(3) NGUYỄN-THỊ-CON (LIVING) BẮC-GIANG

E. SERVICE WITH G.V.N. OR R.V.N.A.F BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME OF PERSON SERVING : NGUYỄN-QUỐC-HIỆN

2. DATES: FROM DECEMBER 17TH 1951 TO APRIL 30TH 1975

3. LAST RANK: LIEUTENANT. COLONEL - MILITARY NUMBER: 48/300.273
4. MINISTRY/OFFICE/MILITARY UNIT: ENGINEER SCHOOL OF F.A.R.V.N.,
5. NAME OF SUPERVISOR/C.D. COLONEL NGUYỄN-VAN-TAM
6. REASON FOR SEPARATION: COLLAPSE OF THE REPUBLIC SOUTH-VIETNAM
AND HIS ARMY

F. TRAINING OUTSIDE VIET-NAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME OF STUDENT/TRAINEE : NGUYỄN-QUỐC-HIỆN
2. SCHOOL AND SCHOOL ADDRESS: UNITED STATES ARMY ENGINEER SCHOOL
FORT-BELVOIR - VIRGINIA.
3. DATES: FROM JUNE 1ST 1971 TO APRIL 10TH 1972
4. DESCRIPTION OF COURSES
- ENGINEER OFFICER ADVANCED COURSE
- ON JOB TRAINING ENGINEER CONSTRUCTION OFFICER COURSE
5. WHO PAID FOR TRAINING: THE FINANCE OFFICER U.S. ARMY

G. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME OF PERSON IN REEDUCATION : NGUYỄN-QUỐC-HIỆN
2. TIME IN REEDUCATION:

FROM APRIL 30TH 1975 TO APRIL 30TH 1982

H. ANY ADDITIONAL REMARKS

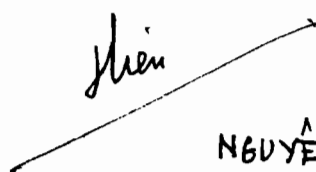
I WISH TO REQUEST YOUR ASSISTANCE AND INTERVENTION
WITH THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST-REPUBLIC OF VIET-NAM
IN ORDER THAT I AND MY FAMILY MAY BE AUTHORIZED TO
LEAVE VIET-NAM AND IMMIGRATE TO THE U.S.A FOR SEEKING
A NEW LIFE UNDER THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.

I. DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

- 3 PHOTOCOPIES OF
- STATEMENT OF MY SERVICES IN VIETNAMESE ARMY.
- INVITATIONAL TRAVEL ORDER ARMY
- CERTIFICATE OF REEDUCATION

SIGNATURE

DATE: FEBRUARY 29TH 1988



NGUYỄN-QUỐC-HIỆN

T.P. Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 7 năm 1988

Kính gửi Bà Khúc Minh - Cho

Tôi đã nhận được thư của bà viết
ngày 28.3.88 cho biết bà đã nhận được
thư cùng hồ-số của tôi, đề ngày 29-2.88
và đã chuyển hồ-số đến VP/ODP tại
Thái Lan. Ngoài ra, bà còn cho biết
đang theo dõi những hồ-số của tôi, đã
gửi cho VP/ODP trước đây, xem có tới hay
không mà chưa cho phúc đáp, tuy
hỏi từ đầu tiên.

Gia đình tôi rất phấn khởi được
bà ân - cần giúp đỡ. Ngay sau khi nhận
được thư bà, chúng tôi vội tức tốc
thiết lập hồ-số gia đình, gửi theo
thư này, đề nếu VP/ODP có đòi hỏi,
bà đã có sẵn chuyển tiếp hồ-tôi và
xin cho tôi cái Lôi

Xa-cách trùng-dường, thư từ
qua lại rất mất nhiều thời giờ. Theo
ước-toán của tôi, thư từ VN sang Mỹ

mất đồ 1 tháng, những từ Mỹ về VN
mất đến 5 lần. Vì vậy, nhân được
thủ của bà là một niềm vui lớn
cho gia đình chúng tôi. Mong lại
được tiếp nhận thủ của bà
ngay gần đây.

Chúc bà và gia đình vui mạnh
để giúp đỡ cho những người khao khát
tự do, còn kẹt tại VN như chúng tôi.
Thành thực cảm ơn bà

Nay kính thư

Hiền

NGUYỄN - QUỐC - HIỀN
16/41/49 NGUYỄN - THIÊN - THUẬT
PHƯỜNG 8 - QUẬN 3
T.P. HỒ - CHÍ - MINH
VIỆT - NAM

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

THỊ - XÃ DALAT

PHƯỜNG I



Số hiệu 275



TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 30 tháng 03 năm 1962

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN MỘNG LOAN

Con trai hay con gái : Nữ

Ngày sinh : Ngày 30 Tháng 03 Năm 1962

Nơi sinh : DALAT

Tên họ người cha : NGUYỄN QUỐC HIỀN

Tên họ người mẹ : DƯ LỆ KHANH

Vợ chánh hay không có
hôn thú : Chánh

Tên họ người đứng khai : Người cha khai

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Dalat, ngày 01 tháng 06 năm 1962

Viên chức hộ tịch,



PHẠM BÌNH THẮNG
ĐỐC-SỰ

VIỆT NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 2

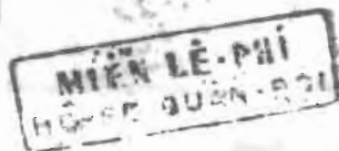
Lập ngày 29 tháng 11 năm 1960 KBC/60

PHƯỜNG XX

Số hiệu: 7243



Tên họ đứa trẻ.	NGUYEN HONG TRINH
Con trai hay con gái. . .	Nữ
Ngày sanh.	Hai mươi mốt, tháng mười mốt, năm mốt ngàn chín trăm sáu mươi, 21g55
Nơi sanh.	Saigon, 284 Cong Quynh
Tên họ người cha.	NGUYEN QUOC HIEN
Tên họ người mẹ.	DƯ LÊ KHANH
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	NGUYEN THI CAM



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 13 tháng 9 năm 1970

Viên-Chức Hộ-Tịch,

NGUYỄN NHON-HÀO

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: SA

Lập ngày 6 tháng 6 năm 19 57

PHƯỜNG XX

Số hiệu: 7714



Tên họ đứa trẻ	Nguyễn Việt-Dương
Con trai hay con gái	nam
Ngày sanh	ba mươi mốt tháng bảy năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy,
Nơi sanh	Saigon, 15 bĩa Cao Thắng
Tên họ người cha	Nguyễn Quốc-Hiền
Tên họ người mẹ	Dư Lệ-Khánh
Vợ chánh hay không có hôn-thủ	vợ chánh
Tên họ người đứng khai	Nguyễn Thị-Tuyết

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 10 tháng 9 năm 19 74

Viên-Chức Hộ-Tịch, H6

MIỄN LỆ-PHÍ
Bổ ngữ H5-B7 Bườn-Bồi



(Signature)

NGUYỄN-VĂN-TỐT
Tham-Sự Hành-Chánh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: BA

PHƯỜNG XX

Số hiệu: 7039



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 30 tháng 7 năm 19 55

Tên họ đứa trẻ.	Nguyễn quốc-Tuân
Con trai hay con gái. .	nam
Ngày sanh.	hai mươi sáu tháng bảy năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm
Nơi sanh.	Saigon, 65 đường Calmette
Tên họ người cha. . .	Nguyễn quốc-Hiền
Tên họ người mẹ. . .	Dư lệ-Khanh
Vợ chánh hay không có hôn-thủ.	vợ chánh
Tên họ người đăng khai.	Đương liên Muội

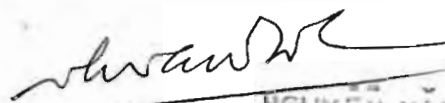
TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 10 tháng 9 năm 1975

TL. Viên-Chức Hộ-Tịch, H6

MIỄN LỆ-PHÍ
Bổ cấp HỘ-Sơ Buôn-Bại




NGUYỄN-VĂN-TÔT
Tham-Sự Hành Chánh

FROM NGUYỄN-QUỐC-HIỆN

16747/49 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET

HỒ-CHÍ-MINH CITY, VIỆT-NAM



PAR AVION

TO

MRS KHUỖC-MINH-THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON VA 22205-0635

USA

những người ký tên

VILLE DE HANOI

E X T R A I T :

de registre des actes de naissance de la Résidence
Mairie de Hanoi pour l'année 1931.

N° 2.968

Acte de Naissance:

de
DU LÊ KHANH

Nom et prénom de l'enfant: DU LÊ KHANH

cout:

Son sexe Féminin

Droit d'expédition

Timbre 0.20

0.60

Date de naissance PREMIER AOÛT 1931, 14 heures

Total 0.90

Lieu de naissance 18 rue du Sông Tô Lịch Hanoi

Nom et prénom du père DU XUAN-PHUC

Sa profession Agent Technique

Son domicile MY THO

Nom prénom de la mère NGUYEN-THI-CAM

Son rang d'épouse Premier rang

Sa profession Commerçante

Son domicile My Tho

Date de la déclaration CINQ AOÛT 1931

Nom du Déclarant, son âge PHAM THI VANG, 31 ans.

Sa profession Sage Femme

Son domicile H A N O I.

Nom du 1er témoins, son âge PHAM THI HIEU, 29 ans

Sa profession Commerçante.

Son domicile H A N O I



: T I A N T X E :
 : Nom du 2^e Témoin, son âge : NGUYEN THI CUC, 21 ans
 : Sa profession : Infirmière.
 : Son domicile : H A N O I

Le Déclarant et les Témoins : L'Officier de l'Etat Civil.

Signés: VANG HIU CUC Signé: TISSOT

POUR EXTRAIT CONFORME
 Hanoi, le 10 Aout 1951
 L'Officier de l'Etat Civil
 Signé: illisible?



THỰC SAO-Y
 CHÍNH-BẢN
 Ngày 3-12-1951
 Ủy-nhiệm TỈNH-TRƯỞNG
 PHÓ-TỈNH-TRƯỞNG

ĐINH-BÁ-HOÀN

TỈNH
HẢI-DƯƠNG.

GIẤY KHAI SINH
ACTE DE NOTORIÉTÉ
TENANT LIEU D'ACTE DE NAISSANCE
---ooOoo---



Nom et prénom de l'enfant Tên và họ đứa trẻ con	: NGUYỄN-QUỐC-HIỀN
Son sexe Con trai hay con gái	: Con trai
Lieu de naissance Ở chỗ nào	: An-tân, Gia-lộc, Hải-dương
Date de naissance Đến ngày nào	: 28 tháng 8 năm 1923
Nom et prénom de son père Tên và họ người bố (Pour les enfants nés hors mariage: le nom de la mère devra seul être indiqué) Con đẻ hoang thì phải khai:	: Nguyễn-hữu-Đản (quá cố) tên mẹ.
Son domicile Ở chỗ nào	: An-tân, Gia-lộc, Hải-dương
Sa profession làm nghề nghiệp gì	: Nông nghiệp
Nom et prénoms de sa mère Tên và họ người mẹ	: Phạm-thị-Luận
Sa profession làm nghề nghiệp gì	: Nông nghiệp
Son domicile Ở chỗ nào	: An-tân, Gia-lộc, Hải-dương
Son rang de femme mariée là vợ thứ mấy	: Vợ cả
Nom et prénoms du déclarant tên và họ người đứng khai	: Nguyễn hữu Quang
Son âge Bao nhiêu tuổi	: 64 tuổi
Sa profession làm nghề nghiệp gì	: Nông nghiệp
Son domicile Ở chỗ nào	: An-tân, Gia-lộc, Hải-dương
Nom et prénoms du 1er témoin tên và họ người làm chứng thứ nhất	: Bùi Huy Nhân



Son âge
bao nhiêu tuổi

62 tuổi

Sa profession
làm nghề nghiệp gì

Nông nghiệp

Son domicile
ở chỗ nào

An tân, Gia lộc, Hải-dương

Nom et prénom du 2^e témoin
tên họ người làm chứng thứ hai:

Nguyễn hữu A

Son âge
bao nhiêu tuổi

35 tuổi

Sa profession
làm nghề nghiệp gì

Buôn bán

Son domicile
ở chỗ nào

An tân, Gia lộc, Hải dương

Nom et prénoms du 3^e témoin
tên và họ người làm chứng thứ ba

Nguyễn thị Bích

Son âge
bao nhiêu tuổi

44 tuổi

Sa profession
làm nghề nghiệp gì

Buôn bán

Son domicile
ở chỗ nào

An tân, Gia lộc, Hải dương

Signature
ký tên

A. An Tân, le 10 tháng 8 1951.

Les témoins,

Các người làm chứng

Le déclarant
Người đứng khai
Nguyễn hữu Quang

Bùi huy Nhân
Nguyễn thị Bích

Le maire
Lý trưởng

Vu pour la légalisation de la signature
de M. NGUYEN-HUU-DAI Xa-Ủy An tân
apposée ci-contre.

(ký tên không rõ đóng dấu)

Gia lộc, le 10 - 8 - 1951.

Le Chef de District

(Signé Illisible et cachet)



Bản sao này đúng y bản chính
đã trình các bên chức
ngày 10 tháng 8 năm 1951
ĐO-TRƯỞNG SÀI GÒN
LƯU-QUẢN, QUẢNG-TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022153219**

Họ tên: **DƯ LỄ KHANH**

Sinh ngày: **01-8-1931**

Nguyên quán: **Hà - Nội**

Nơi thường trú: **16/41/49 Ng-T-
Thuật, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022114103**

Họ tên: **NGUYỄN QUỐC TUẤN**

Sinh ngày: **26-7-1955**

Nguyên quán: **Gia - Lộc,
Hải - Hưng.**

Nơi thường trú: **16/41/49 Ng-T-
Thuật, P8, Q3, TP. Hồ Chí Minh**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022114102**

Họ tên: **NGUYỄN VIỆT CƯỜNG**

Sinh ngày: **31-7-1957**

Nguyên quán: **Gia - Lộc,
Hải - Hưng.**

Nơi thường trú: **16/41/49 Ng-T-
Thuật, P8, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022153103**

Họ tên: **NGUYỄN MỘNG TRINH**

Sinh ngày: **21-11-1960**

Nguyên quán: **Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh**

Nơi thường trú: **16/41/49 Ng-T-
Thuật, Q3, TP. Hồ Chí Minh**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022153242**

Họ tên: **NGUYỄN MỘNG LOAN**

Sinh ngày: **30-3-1962**

Nguyên quán: **Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh**

Nơi thường trú: **16/41/49 Ng-T-
Thuật, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**



**The U.S. Army Engineer School
Fort Belvoir, Virginia**

This is to Identify

LTC Nguyen Quoc HIEN

a Citizen of

Vietnam

A student of the United States Army Engineer School at Fort Belvoir, Virginia. Please extend to this student all the courtesies due a guest of the United States of America.

MICHAEL M. MULKEY, MAJ

United States Army Engineer School
Fort Belvoir, Virginia

Student's Signature

PERSONAL IDENTIFICATION



Height 5'0" Color of Eyes Brown

Weight 106 Color of Hair Black

Date of Birth 28 August 1923

Nationality Vietnamese

Ft. Belvoir Address:

BOQ 506, Rm 15

Ft Belvoir, VA 22060

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 305781 CN

Họ và tên chủ hộ: Dư Lê Khanh

Ấp, ngõ, số nhà: 16/41/13

Thị trấn, đường phố: Nguyễn Thiện Thuật

Xã, phường: 8

Huyện, quận: 3

Số 102/SY/PB

SỞ Y DÂN CHÍNH

Ngày tháng năm

P.HCM, ngày 27 5 năm 1984

Trưởng công an: Quận 5

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TH. UY BAN NHÂN DÂN P8/Q.3

CHỦ TỊCH



NK 3



NGUYỄN TẤN-GHÌ

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND
1	2	3	4	5	6
1	Dư Lê Khanh	Chủ hộ	Nữ	1931	022153219
2	Nguyễn Mộng Trinh	con	nữ	1960	022153103
3	Nguyễn Mộng Loan	con	nữ	1962	022153212
4	Nguyễn Văn Tiến	chồng	NAM	1923	
5	Nguyễn Quốc Tuấn	Con	nam	1955	022116103
6	Nguyễn Việt Cường	con	nam	1957	022114102
06					

Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
7	8	9	10
Công nghiệp thực phẩm ²	1.10.1976		XN: 03K
Sinh viên	1.10.1976		(1+2+3)
Trung học sư phạm	1.10.1976		
	27-10-82		
	05-9-85		
	8-10-85		

BAT
TP/

T.P. Hồ Chí Minh ngày 29-2. 1988
Kính gửi Bà Khúc Minh Châu

----- Thừa Bà

----- Đã nhiều lần, qua đài VOA, tôi được nghe bà nói sẵn sàng giúp đỡ những tư nhân chính trị và gia đình được sang Hoa Kỳ lập nghiệp, bằng cách trao đất ý nguyện đến Văn phòng ODP. Hôm nay, nhờ một đoàn báo tiếng Việt, thiết bản tại Hoa Kỳ, tôi biết địa chỉ của Hội, với viết thư này, nhờ bà chuyển toàn bộ hồ sơ của tôi đến VP/ODP và xin cho tôi và gia đình được định cư tại Hoa Kỳ.

Từ năm 1982 đến nay, tôi đã nhiều lần viết đơn, gửi ông Giám đốc chương trình ODP theo địa chỉ 131 Soi Tiên Giang và 127 Bangabhum Bldg South Sathorn Road Bangkok 12, Thái Lan, xin từ nam chính trị sang H.K, Nhưng không lần nào, được phúc đáp.

Lần thư nhất gửi ngày 24 tháng 6. 1982 bằng thư thường. Hồ sơ gồm có: Đơn chính kèm theo 10 sections of information questionnaire, 1 bằng mao quân vụ, 4 bản chụp sao bằng Công Định Cao cấp, bằng S.Q Kiên Tao, tốt nghiệp tại Fort Belvoir, Giấy mời du học tại H.K của Quân Đội và Giấy ra trại Cải tạo.

Lần thứ 2, đơn gửi bằng thư bảo đảm số 822
ngày 10 tháng 10 - 1983

Lần thứ 3, đơn gửi bằng thư bảo đảm số 707
ngày 17 tháng 8 - 1984

Lần thứ 4 gửi ngày 4-3-1985, lần thứ 5, gửi ngày
8-8-1986: 2 lần này gửi bằng thư thường.

Bốn lần này, đơn chỉ nhắc lại nội dung đơn
thứ 1.

Kiểm lần thứ 6, gửi vào tháng 10 - 1987
bằng thư thường. Hồ sơ gồm có:

Questionnaire for ODP applicants (loại mới) kèm
theo 2 bản chụp sa giấy mới du học tại Hoa Kỳ
của Xuân. Đói và giấy ra trại cải tạo.

Không có thân nhân tại nước ngoài nhất là tại
Hoa Kỳ, tôi không được ai giúp đỡ, nhắc nhở VP/ODP
và xin hồ IV và LOI. Tôi rất buồn. Khó khăn cho
mình và gia đình, kính xin bà cứu giúp để
sớm được định cư tại Hoa Kỳ.

Thành thực cảm ơn bà và gia đình

Hiền

Nguyễn - Quốc - Hiền

QUESTIONNAIRES FOR ODP APPLICANTS

O.D.P. I.V.

DATE: 1988

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. NAME: NGUYỄN-QUỐC-HIỆN SEX: MALE
2. OTHER NAME: /
3. DATE, PLACE OF BIRTH: AUGUST 28TH, 1923 - HẢI DƯƠNG
4. RESIDENCE ADDRESS: 16/41/49 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET,
HO-CHI-MINH CITY - VIỆT-NAM
5. MAILING ADDRESS: 16/41/49 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET,
HO-CHI-MINH CITY - VIỆT-NAM
6. CURRENT OCCUPATION: ODD JOBS AT HOME

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

NAMES	DATES OF BIRTH	PLACES OF BIRTH	SEX	M. S.	RELATIONSHIP
1. ĐU. LÊ-KHANH	AUGUST 1ST 1931	HANOI	F.	MARRIED	WIFE
2. NGUYỄN-QUỐC-TUẤN	JULY 26TH 1955	SAIGON	M.	BACHELOR	SON
3. NGUYỄN-VIỆT-CƯỜNG	JULY 31TH 1957	SAIGON	M.	BACHELOR	SON
4. NGUYỄN-MÔNG-TRÌNH	NOV. 21TH 1960	SAIGON	F.	UNMARRIED	DAUGHTER
5. NGUYỄN-MÔNG-LOAN	MARCH 30TH 1962	ĐALAT	F.	UNMARRIED	DAUGHTER

C. RELATIVES OUTSIDE VIET-NAM

D. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

1. FATHER: NGUYỄN-HỮU-ĐẴN (DEAD)
2. MOTHER: PHẠM-THỊ-LUÂN (DEAD)
3. SPOUSE: ĐU. LÊ-KHANH (LIVING) 16/41/49 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET
HO-CHI-MINH CITY VIỆT-NAM
4. CHILDREN
- | | | |
|--------------------------------|---|---|
| (1) NGUYỄN-QUỐC-TUẤN (LIVING) | { | 16/41/49 NGUYỄN-THIỆN-THUẬT STREET
HO-CHI-MINH CITY - VIỆT-NAM |
| (2) NGUYỄN-VIỆT-CƯỜNG (LIVING) | | |
| (3) NGUYỄN-MÔNG-TRÌNH (LIVING) | | |
| (4) NGUYỄN-MÔNG-LOAN (LIVING) | | |
5. SIBLINGS
- (1) NGUYỄN-QUỐC-DÁNH (DEAD)
- (2) NGUYỄN-THỊ-NHỎN (DEAD)
- (3) NGUYỄN-THỊ-CON (LIVING) BẮC-GIANG

E. SERVICE WITH G.V.N. OR R.V.N. A.F. BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME OF PERSON SERVING: NGUYỄN-QUỐC-HIỆN
2. DATES: FROM DECEMBER 17TH 1951 TO APRIL 30TH 1975

3. LAST RANK : LIEUTENANT - COLONEL, MILITARY NUMBER : 43/300.273
4. MINISTRY/OFFICE/MILITARY UNIT: ENGINEER SCHOOL OF F.A.R.VN.
5. NAME OF SUPERVISOR/C.O. : COLONEL NGUYEN-VAN-TAM
6. REASON FOR SEPARATION: COLLAPSE OF THE REPUBLIC SOUTH-VIETNAM
AND HIS ARMY.

F. TRAINING OUTSIDE VIET-NAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME OF STUDENT/TRAINEE: NGUYEN-QUOC-HIEN
2. SCHOOL AND SCHOOL ADDRESS: UNITED STATES ARMY ENGINEER SCHOOL
FORT BELVOIR - VIRGINIA,
3. DATES: FROM JUNE 1ST 1971 TO APRIL 10TH 1972
4. DESCRIPTION OF COURSES:
- ENGINEER OFFICER ADVANCED COURSE
- ON JOB TRAINING ENGINEER CONSTRUCTION OFFICER COURSE
5. WHO PAID FOR TRAINING: THE FINANCE OFFICER US ARMY

G. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME OF PERSON IN REEDUCATION: NGUYEN-QUOC-HIEN
2. TIME IN REEDUCATION:
FROM APRIL 30TH 1975 TO APRIL 30TH 1982

H. ANY ADDITIONAL REMARKS

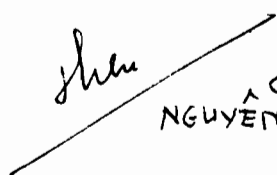
I WISH TO REQUEST YOUR ASSISTANCE AND INTERVENTION WITH
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST-REPUBLIC OF VIETNAM, IN ORDER
THAT I AND MY FAMILY MAY BE AUTHORIZED TO LEAVE
VIETNAM AND IMMIGRATE TO THE U.S.A FOR SEEKING A NEW
LIFE UNDER THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.

I. DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

- 3 PHOTO COPIES OF:
- STATEMENT OF MY SERVICES IN VIETNAMESE ARMY.
- INVITATIONAL - TRAVEL ORDER ARMY
- CERTIFICATE OF REEDUCATION

SIGNATURE

DATE FEBRUARY 29TH 1988


NGUYEN-QUOC-HIEN

LOAI : C

Của : Trung Tá NGUYEN QUOC HIEN

Số-quân : 43/300.273

H O - T I C H

NHAN - DANG

Sinh ngày 28.8.1923

Tai An Tan

: Tó

Mặt

Quân

Tỉnh Hải Dương

: Trần

Mĩĩ

Con ông Nguyễn Hữu Đan

và Bà Phạm thị Xuân

• Má

Cao. 1

Kết hôn ngày 6.4.54

với cô Du Le Khanh

: Dấu tích đặc biệt

CÔNG-VU LIÊN-TIẾP :

- 17.12.51- Admis comme Eleve Officier (civil admis d'office) a l'Ecole Militaire Inter Armes de Dalat. Arrive a l'Ecole et pris en compte a/c ce jour (Ref. No 03612/QP/NV du 25.11.51 de Mr. le Ministre de la Defense Nationale. A contracte un engagement de six ans au titre den FAVN a/c du 17.12.51. A reussi a l'examen de sortie de l'ENTAD avec 4.4.84,65 points sur 6.600. Classe 53e sur 121 eleve. RDC de l'Ecole a/c du 1.10.1952.
- 01.10.52 -Nommé au grade de S/Lieutenant par Arrête No 477/QP/ND de Mr. le president du Conseil des Ministres de la Defense Nationale du 9.10.1952.
- 01.03.53 -Mute au 3e PAVN par AM No 1740/TTH/Diapers du 25.2.53 arrive au Corps le 7.3.54.
- 01.05.54 -Nommé au grade Lieutenant par Appêté No 696/QP du President du Gouvernement en date du 21.6.1954.
- 01.06.55 -Thuyen chuyen sang De nhât Tieu doan Cong binh VN k/t ngay 01.6.55 do LTC so 4957/QP/NV ngay 11.5.55.
- 01.06.55 -Thuyen chuyen ve Don vi Quan Tri Dia Phuong so 1 k/t ngay 1.6.55 do LTC so 10090/QP/NV ngay 14.9.55.
- 01.10.55 -Môn khoa Anh văn tại Bộ Nhât Tieu doan CB k/t ngay 01.10.55 do LTC so 11.005/QP ngay 12.10.55.
- 16.11.55 -Thuyen chuyen ve Bo Tu Lanh Cong binh k/t ngay 16.11.55 do LTC so 12687/QP/NV ngay 18.11.55.
- 20.02.56 -Thuyen chuyen sang Tieu doan 2/1 Cong binh k/t ngay 20.2.56 do LTC so 2418/QP/NV ngay 2.3.56.
- 26.05.56 -Được thăng cấp Đại Úy HD tạm thời k/t ngay 26.5.56 do ND so 521/QP/ND ngay 26.5.56 của Bộ Quốc Phòng.
- 01.01.57 -Thuyen chuyen ve Bo Chi Huy Cong Binh k/t ngay 01.01.57 do LTC so 00260/QP/NV ngay 10.01.57.
- 15.01.57 -Giữ chức vụ Trưởng Phòng Vật Liệu Công binh k/t ngay 15.01.57 do LPN so Qua Trung Tá Chi Huy Trưởng CB.
- 01.07.57 -Được thăng cấp Đại Úy HD thực thụ k/t ngay 01.07.57 do ND so 25/QP ngay 11.1.57.
- 01.05.57 -Thuyen chuyen ve Đơn Trưởng Bộ Khoa Thu Duc k/t ngay 01.5.57 do LTC so 4965/QP/NV ngay 4.5.57.
- 13.05.57 -Đen Đơn Trưởng Bộ Khoa Thu Duc ngay 13.5.57 được bổ nhiệm về Trưởng CB k/t ngay 13.5.57.
- 01.10.57 -Thuyen chuyen ve Lu Doan Iden Binh Phong Ve Tong Thong phu k/t ngay 01.10.57 do LTC so 11.272/QP/NV ngay 11.10.57.
- 29.10.57 -Được giữ chức vụ Trưởng Phòng Chiến Tranh Tâm Lý Lu Doan LPV/TTC k/t ngay 29.10.57.
- 01.07.59 -Đạt thước quyền an dưỡng của Bộ Tư Lệnh Quân Khu 3 k/t ngay 01.7.59 do LTC so 5107/QP/NV ngay 17.6.59.
- 16.08.59 -Đạt thước quyền xu dưỡng của Sư Đoàn 22 do LTC so 7318/QP/NV ngay 14.9.59 do TUC so 7318/- ngay 14.9.59.
- 16.10.59 -Được giữ chức vụ Trưởng Ban Tổng Quan Trị Sư đoàn 22 Bộ binh k/t ngay 16.10.59.
- 14.06.60 -Được chỉ định giữ chức vụ Trưởng Phòng Nhât Sư đoàn 22 Bộ binh k/t ngay 14.6.60 do SVVT so 6046/SD22PB/TOT ngay 12.6.60.
- 22.02.61 -Thuyen chuyen ve Trưởng Đại học Quân Sự (Thang so) để theo học khoa 15 Thầm Mưu k/t ngay 22.2.61 do LTC so 2855/QP/NV ngay 26.5.61.

- 16.08.61-Phan khoa 15 Tham Muu duoc thuyen chuyen den Truong Dai Hoc Quan Su k/t ngay 16.8.61 do LTC so 5223/QP/NV ngay 15.9.61 cua Bo Quoc Phong.
- 23.01.62-Duoc chi dinh giu chuc vu Chinh Van Phong do SVVT so 03/DHQs ngay 1.1.64.
- 01.06.56-Dai Uy HD thuc tau k/tagay 01.7.56 duoc diu chinh thanh Dai Uy HD thuc tau k/t ngay 01.6.56 do ND so 433/QP/ND ngay 9.8.65 cua Bo Quoc Phong.
- 01.04.66-Duoc thang cap Thieu Ta thuc tau theo tham nien k/t ngay 01.4.66 do ND so 213/QP/ND ngay 28.3.3.66 cua Bo Quoc Phong.
- 30.01.67-Duoc dat thuc Quyen Xu dung cua Khoi CTCT de lam Si quan An Binh k/t ngay 30.01.67 do SVVT so 015/TDHQS ngay 30/01.67.
- 11.05.67-Duoc chi dinh XLTV chuc vu Truong Khoi CTCT k/t ngay 11.5.67 do SVVT so 122/TDHQS ngay 11.5.67.
- Duoc de cu theo hoc khoa Chi Huy Tham Muu cao cap tai Truong Chi Huy va Tham Muu khai giang ngay 01.8.67. Phan khoa GHTM duoc thuyen chuyen ve Truong Chi Huy va Tham Muu k/t ngay 01.01.68 (co hum).
- Duoc chi dinh giu chuc vu Phu ta Truong Phong Nam Tai kien Truong Phong An Binh do SVVT so 321/TCHTM ngay 3.1.68.
- 16.12.68-Duoc tai nhan Binh chung OB va dat thuc Quyen Xu dung cua Guc OB k/t ngay 16.12.68 do AD so 1501/TTM/TQT ngay 28.11.68.
- 01.01.69-Thuyen chuyen den Quan Doan 2/Ban Cong binh k/t ngay 01.01.69 do LTC so 0095/QCB/NH ngay 20.01.69 cua Guc OB.
- 01.04.69-Thuyen chuyen den Lien Doan 20/CBGD k/t ngay 01.4.69 do LTC so 4081/QDII/TQT ngay 1.4.69.
- 09.04.69-Duoc bo nhem chuc vu Phu ta Thanh Tra Lien Doan 20/CBGD do SVVT so 2319/CB20/NV ngay 9.4.69 cua Lien D an 20/CBGD.
- 17.11.69-Duoc de cu giu chuc vu XLTV chuc vu Lien Doan The Lien Doan 20/CBGD kien Phu ta Chien Tranh Chinh Tri do SVVT so 8150/CB20/NV ngay 15.11.69.
- 01.02.70-Duoc theo hoc khoa bo tuc Anh ngu tai Truong Anh Ngu Quan Doi.
- 10.12.70-Tai phai den Khoi Nghien Qu Ke hoach do LTC so 2375/QCB/NH ngay 9.12.70 cua Guc OB.
- 01.01.71-Duoc thang cap Trung ta thuc tau k/t ngay 01.01.71 do ND so 159/QP/ND ngay 11.2.71 cua Bo QP.
- 28.05.71-Duoc thuyen chuyen (thang so du hoa) den Don vi Quan tri Trung Tong do LTC so 6386/TM/TQT ngay 25.6.71 cua Bo TM.
- 16.03.72-Thuyen chuyen DTQD Guc Cong binh k/t ngay 16.3.72 do LTC so 1419/TM/TQT ngay 18.2.72 cua Bo TM.
- 01.05.72-Dat TQD Guc OB thuyen chuyen den Truong OB (co hum) k/t ngay 01.5.72 do LTC so 496/QCB/NH ngay 4.5.72.

18.05.72 -Den Truong Cong binh ngay 18.05.1972.

19/05.72 -Duoc bo nhien den Phong Kien Huan Khao hach dan nhien chuc vu HLV/Truong Ban Kien Huan k/t ngay 19.5.72 do SVVT so 2960/TGB/NV ngay 20.5.72 cua Truong Cong binh.

H-+++++H
: HUY-CHUONG
H-+++++H
: -CDBT 49-54. -CDBT 60.
: -TMBT hang 1 -OPBT hang 3.
: -QVBT hang 3. -LONG de nhi hang.
: -JDBT hang 1
: -TL cap SU DOAN.

K.B.C. 40.57, ngày 02 tháng 8 năm 1972

TL. Đại tá PHAN VAN DIEN

Chi Huy Truong Truong Cong Binh QLVNCH

VI VAN TY

Truong Phong Nhan vien



Handwritten signature

575-4.5.82

BỘ NỘI VỤ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM
Số: 43

(4)

Gia Trung, ngày 30 tháng 4 năm 1982

SHSLD 00087815352

CẤP GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị 316/TTC ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ
Tướng chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính
sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ
và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cai tạo.

Căn cứ thông tư liên bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07 TT-LB ngày
2 tháng 11 năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định tha số 51 ngày 29 tháng 3 năm 1982
của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên NGUYỄN QUỐC HIẾN Sinh năm 1949
Sinh quán Thới Dương

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI HẾT ĐƯỢC VỀ
CÁI LẠNH ĐIỀN ngày 4 tháng 5 năm 1982
Quản Chế 12 tháng
Kết từ/gặp quyết định trên chiến
8419

Trú quán 6/41/49 Nguyễn thiện thuật - P8 - Quận 3 - TP HCM
Số lính H3/300273 Cấp bậc Trung tá trưởng khoan

Chức vụ uyên trưởng công binh Trong bộ máy chính quyền quân sự
và các tổ chức chính quyền phản động của chế độ cũ.

Lý do tha Cải tạo tiến bộ

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy Ban nhân dân
Công an xã phường trước huyện quận 03 tỉnh thành phố
Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định của ủy ban nhân
dân tỉnh thành phố về việc quản chế về nơi cư trú và các mặt quản
lý khác.

- Thời hạn quản chế 12 (mười hai tháng)
- Thời hạn đi đường 04 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp Đã cấp

Lên ngón tay trở phải Chữ ký của người
của Nguyễn quốc Hiến được cấp giấy
Đanh ban số 6205



Nguyễn quốc Hiến

KIỂM GIÁM THỊ
BỘ NỘI VỤ
THIẾT TÁ
NGUYỄN ĐÌNH TUNG

ATSEN-SY-AL (30Apr71) 3rd Ind

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-176-71 (114) (Service)

United States Army Engineer School, Fort Belvoir, Virginia, 24 March 1972

TO: LTC Nguyen Quoc HIEN, 43/300.273
LTC Do Huu DU, 46/100.199
MAJ Nguyen Van HIEN, 43/400.114
MAJ Nguyen Huu DINH, 58/200.067
MAJ Nguyen Dinh DA, 54/108.581

7117A	NIG	VT63	B171066	4-5-C22	
7117B	NIG	VT64	B174068	4A-F1	187
WCN	GC	RCN	MASL ID	CN	QS

1. Having arrived at this school on 1 June 1971 to attend the Engineer Officer Advanced Course (4-5-C22), On-Job-Training, Engineer Construction Officer Course (4A-F1) and having completed instruction you are authorized and invited to proceed from Fort Belvoir, Virginia on or about 10 April 1972 to Travis Air Force Base, California for return to Vietnam. You will depart Travis AFB at 1800 hours, 24 April 1972 on Flight Number TKP E2A1 arriving Saigon, Vietnam at 0800 hours, 26 April 1972. T/R issued this station from Travis AFB, California to Saigon, Vietnam. AMD: SUU SGN 2PT VCEA 04.

2. You are authorized 14 days leave and 1 days travel time enroute. Total leave and travel time not to exceed 15 days. You are to report to Room 42, Building P-3, Travis AFB, California not later than 0800 hours, 24 April 1972.

3. One hundred pounds of personal baggage will accompany each individual.

4. Travel by privately owned conveyance or at your expense is authorized in accordance with paragraph 6-29e, AR 550-50.

5. In case of unavoidable delay enroute, you will call Passenger Movement Section, Travis AFB, California by autovon or commercially collect (Area Code: 707) - 438 - 2542.

6. Cost of living allowances authorized while attending the US Army Engineer School, 14 days leave, 1 days travel and the expected date of departure from CONUS will be paid by Finance Officer this station through 2400 hours, 24 April 1972.

FOR THE COMMANDANT:

DISTRIBUTION:

Indiv Concerned

DA-ACSI

DA-DCSOPS IA-MA

Ch, US Mil Assistance Command, VN, APO

SF 96222

CG, HQ Sixth US Army

C in Ch, US Army Pacific

MARVIN R. GREEN, JR.

(25) Major, CE

(2) Assistant Secretary

(2)

(10)

(2)

(2)

CONTROL

☒ Card
☒ Doc. Request; Form VN 3/22/88
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☒ ODP/Date 1/21/89
☐ Membership; Letter

BNG III